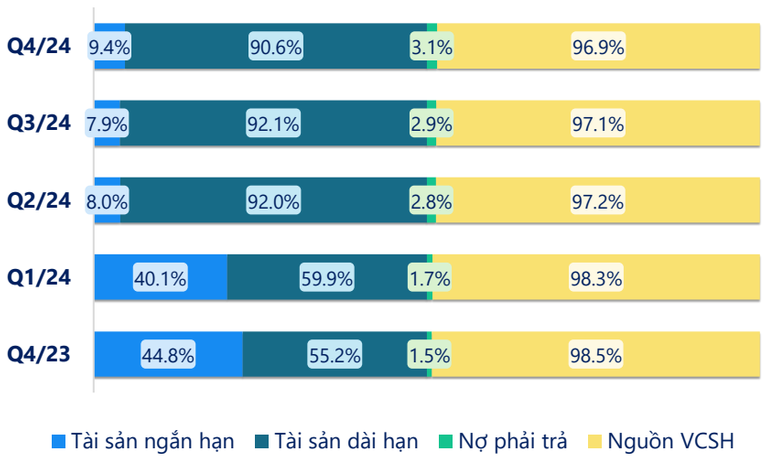
FireAnt

CTCP Đầu tư tài sản Koji (HSX: KPF)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,620
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,610
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,590
SL cổ phiếu LH	60,867,241
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,475
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	99
P/E	-0.4
EPS	-4,549

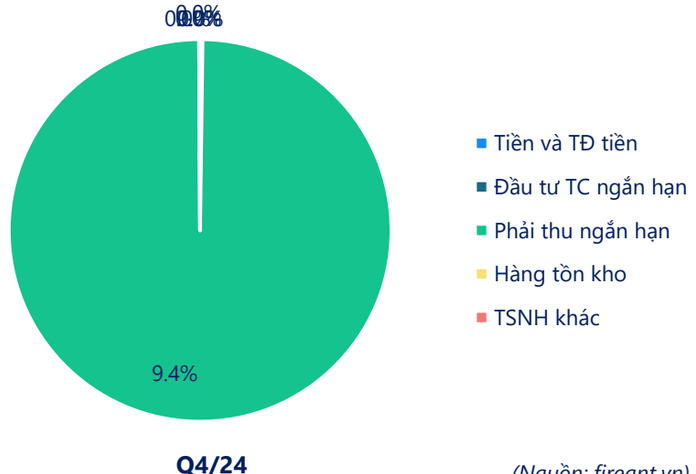
	YTD	1T	3T	6T
KPF	1.9%	-22.9%	-50.0%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



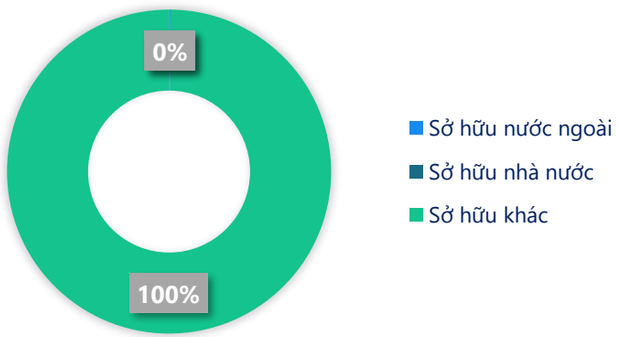
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



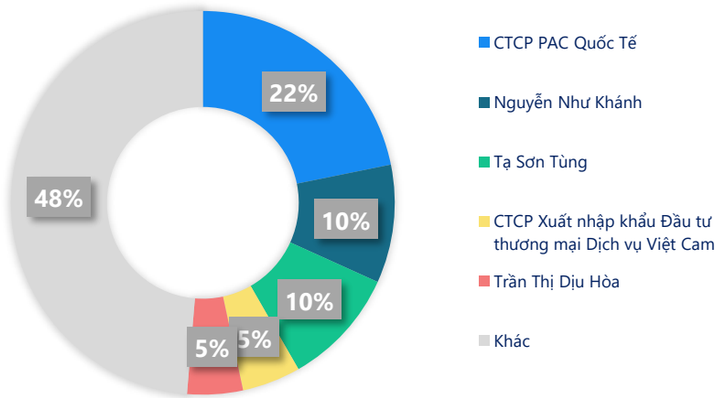
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



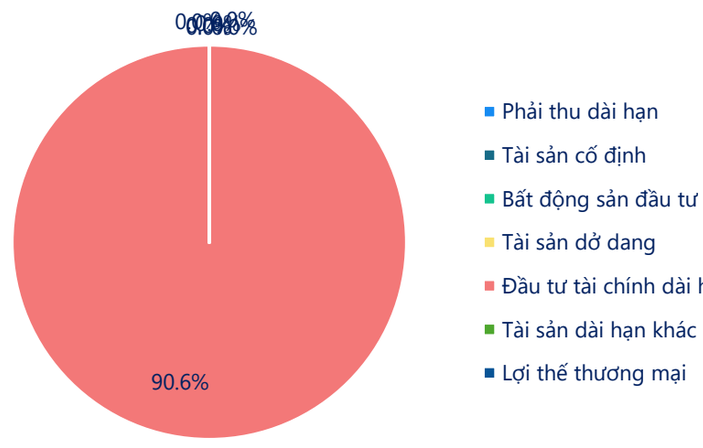
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

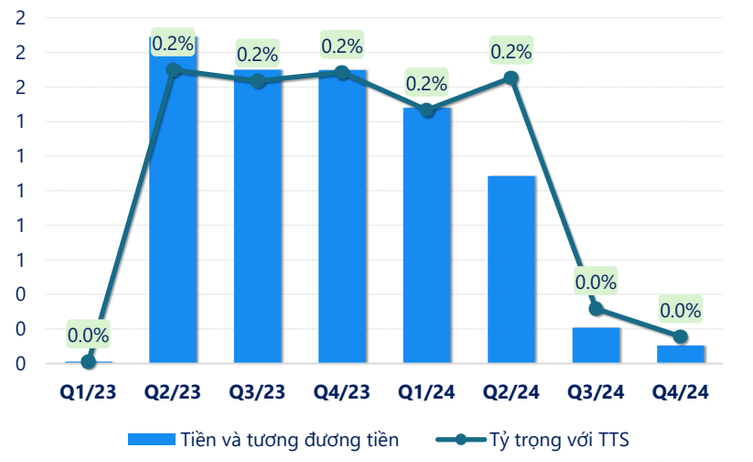


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

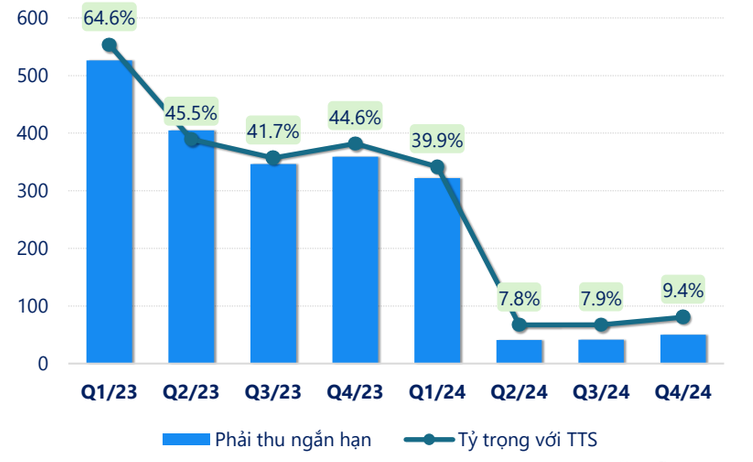
CTCP Đầu tư tài sản Koji (HSX: KPF)

Tiền và tương đương tiền



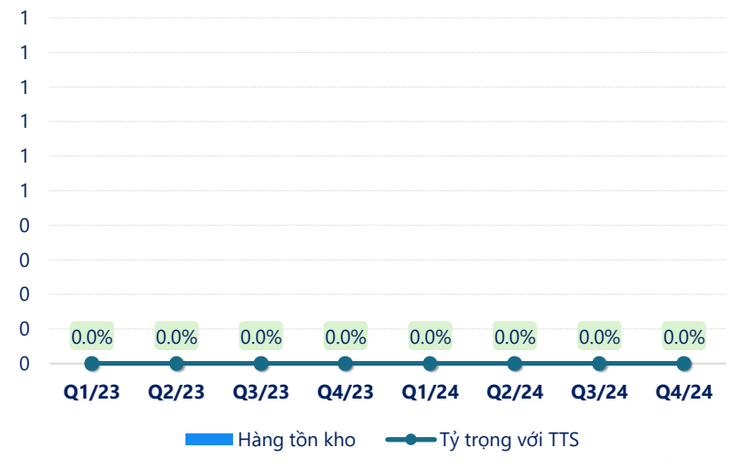
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



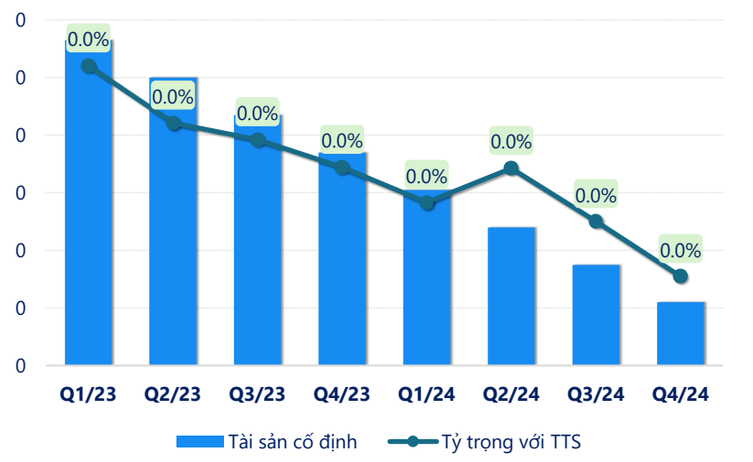
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



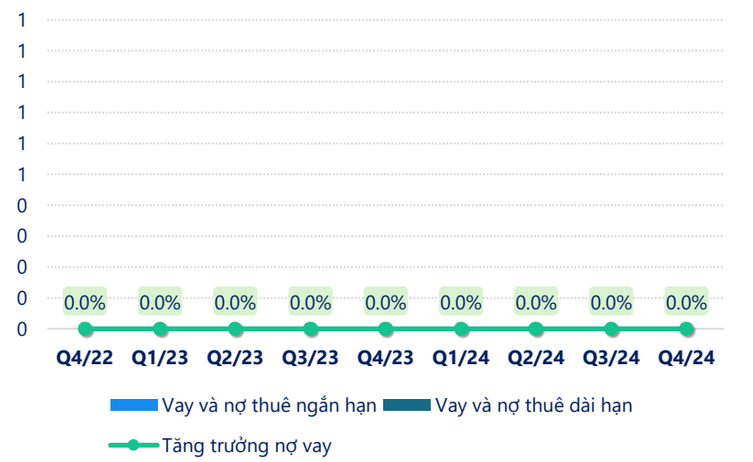
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



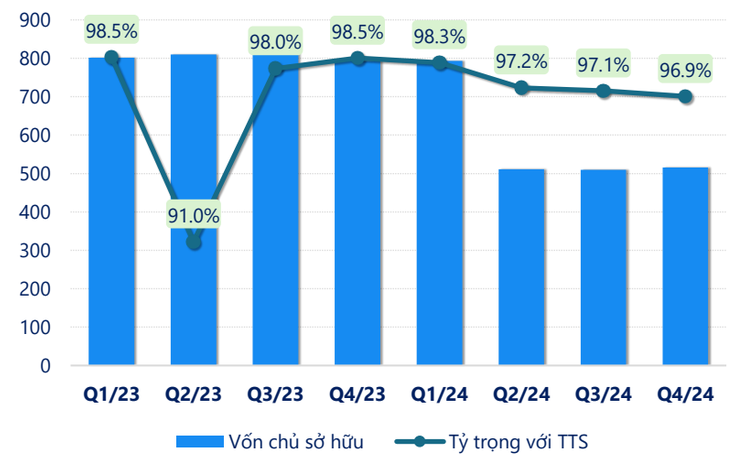
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

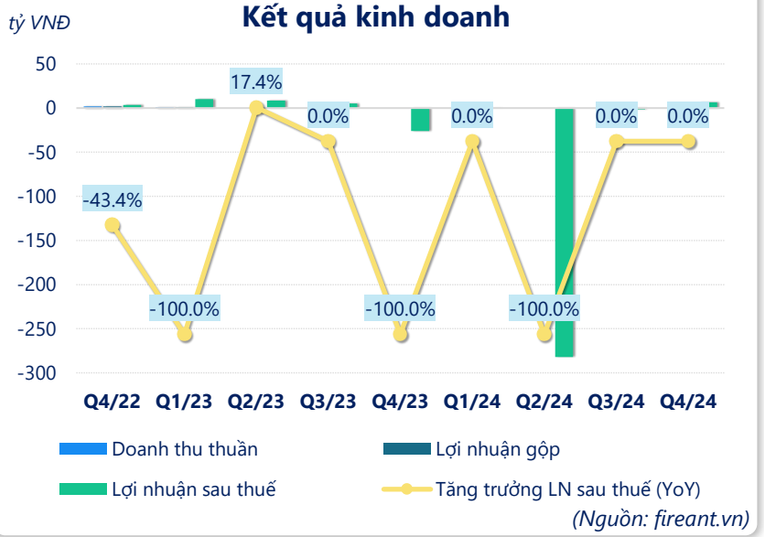


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

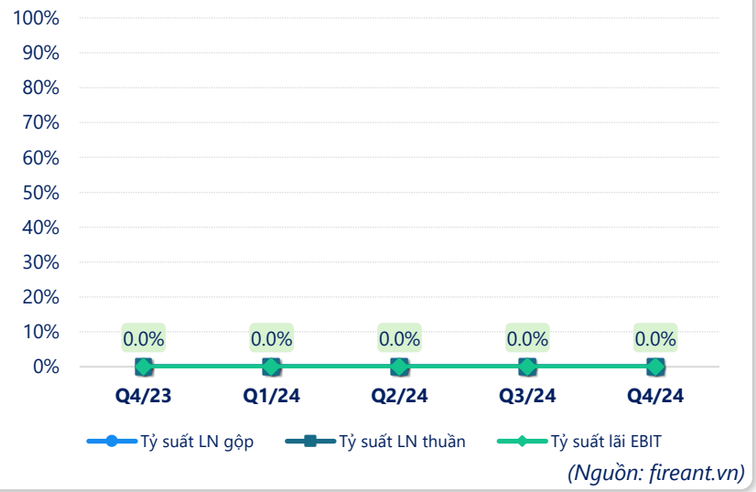
CTCP Đầu tư tài sản Koji (HSX: KPF)

Kết quả kinh doanh



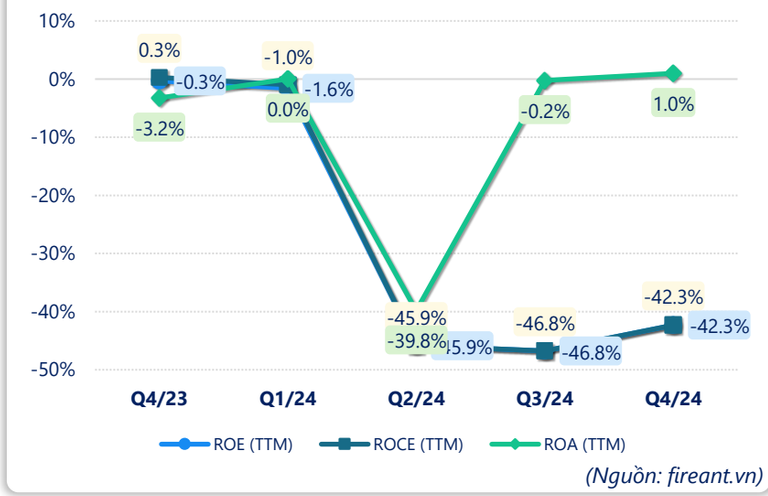
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



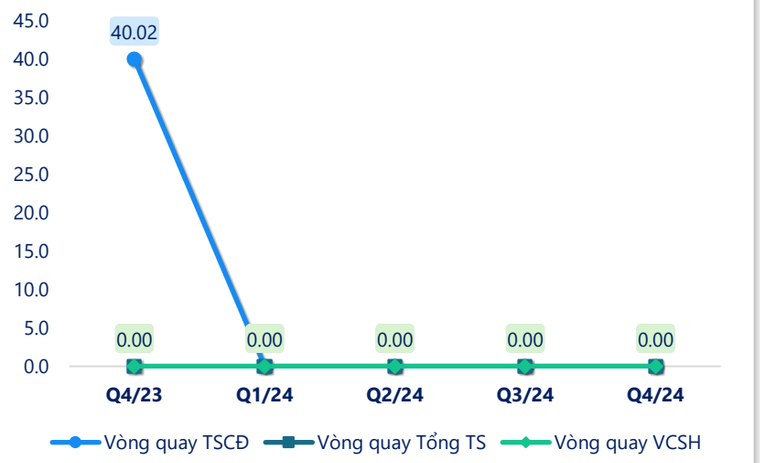
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



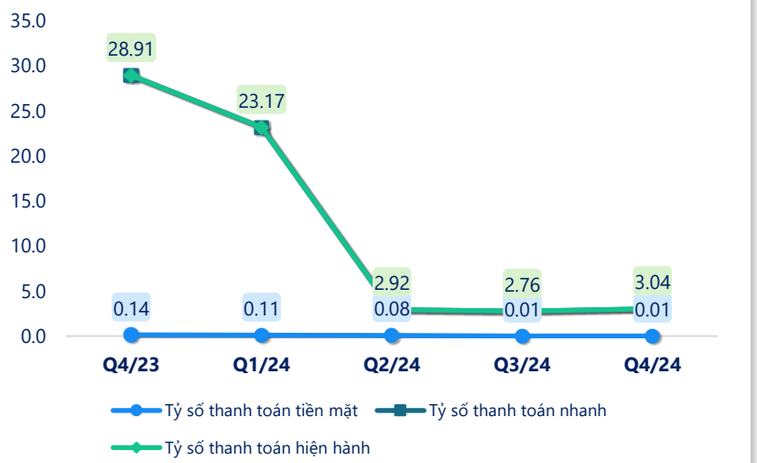
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



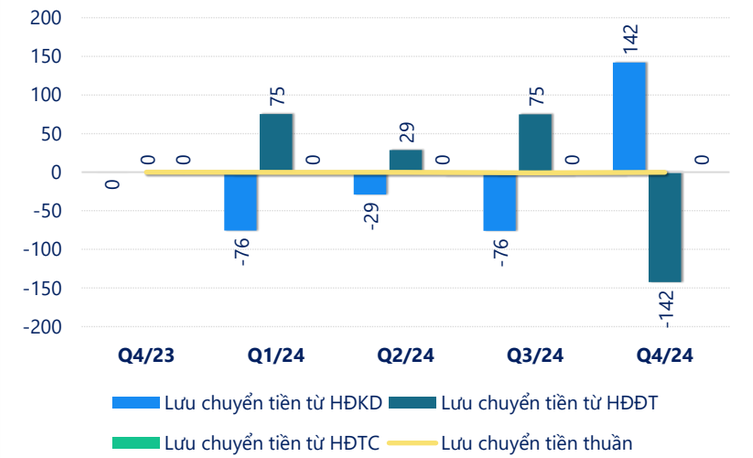
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư tài sản Koji (HSX: KPF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**532**	**806**	**-34.0%**
Tài sản ngắn hạn	50.2	323	-84.5%
Tiền và tương đương tiền	0.10	1.70	-93.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	50.0	321	-84.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.02	130%
Tài sản dài hạn	**482**	**483**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.01	0.02	-70.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	482	483	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.5	13.6	21.0%
Nợ ngắn hạn	**16.5**	**13.6**	**21.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.18	0.17	10.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**516**	**793**	**-34.9%**
Vốn chủ sở hữu	**516**	**793**	**-34.9%**
Vốn điều lệ	609	609	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	13.0	0.68	8.91	0.00	9.01
Chi phí TC	0.09	0.03	0.44	0.32	0.56
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	39.0	0.54	290	1.00	0.76
LN thuần từ HĐKD	-26.1	0.12	-282	-1.32	7.69
Lợi nhuận khác	0	-0.01	-0.07	-0.30	-1.10
LN trước thuế	-26.1	0.10	-282	-1.62	6.58
Lợi nhuận sau thuế	-26.1	0.08	-282	-1.62	6.60
LNST của CĐ cty mẹ	-26.1	0.08	-282	-1.62	6.60

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	-75.5	-29.1	-75.9	142
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	75.3	28.7	75.0	-142
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.70	1.70	1.48	1.09	0.21
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**-0.22**	**-0.39**	**-0.88**	**-0.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.70	1.48	1.09	0.21	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic